

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 92/2024/DS-ST

Ngày: 23-8-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Hữu Thắng.
- Ông Hà Văn Châu.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thuý Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2023/TLST-DS ngày 13/10/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2024/QĐXXST-DS ngày 10/5/2024 giữa các đương sự:

– **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP P

Trụ sở: Số A đường N, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

* **Người đại diện hợp pháp:** Bà Lê Thị Thu Q, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số C, đường T, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 13/10/2023) (có mặt).

– **Bị đơn:**

1/ Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1980 (vắng mặt).

2/ Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số B đường L, Khóm D, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

– **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1962 (vắng mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số N, ấp M xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP P (sau đây gọi là Ngân hàng) và người

đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị Thu Q trình bày: Những vấn đề Ngân hàng Thương mại cổ phần P yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

- Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Hồng T có ký kết với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số 0101/22CNST/HĐTD ngày 13/05/2022. Số tiền vay 440.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng). Thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 20/05/2023 đến ngày 19/05/2024. Lãi suất 13.5%/ năm và có thể được Ngân hàng điều chỉnh theo từng thời kỳ. Mục đích vay: Bổ sung vốn nuôi heo.

- Ông Nguyễn Văn M có ký với Ngân hàng 02 Hợp đồng sử dụng gồm: Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số thẻ 416259xxx4537 ngày giải ngân 19/08/2022. Hạn mức tín dụng: 100.000.000 đồng và Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số thẻ 498767xxx8789 ngày giải ngân 03/06/2022. Hạn mức tín dụng: 20.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng trên, ông Mạnh và bà Thuận đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, mặc dù Ngân hàng nhiều lần đôn đốc, yêu cầu trả nợ nhưng ông M và bà T vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 24/6/2024, ông M và bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền cụ thể sau: Hợp đồng tín dụng số 0101/22CNST/HĐTD ngày 13/05/2022: Nợ gốc 440.000.000 đồng, lãi trong hạn 53.420.246 đồng, lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi 10.758.670 đồng, tổng cộng 504.178.916 đồng.

Tính đến ngày 24/6/2024, ông M còn nợ Ngân hàng đối với Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 19/08/2022. Nợ gốc 79.562.941 đồng, lãi 38.633.358 đồng, phí 46.723.668 đồng, tổng cộng 164.919.967 đồng và Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày phát hành 03/06/2022 thì không phát sinh nợ.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông M và bà T đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số 555, tờ bản đồ số 03, ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Diện tích: 507,3 m² (ONT: 50m², CLN: 457,3m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 719032 số vào sổ cấp GCN: CS03075 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 20/04/2022. Tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0075/22CNST/HĐBĐ ngày 13/05/2022 tại Văn phòng công chứng Trần Văn N (thành phố S, tỉnh Sóc Trăng), số công chứng 3936 quyền số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Sóc Trăng ngày 13/05/2022.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông M và bà T phải thanh toán một lần toàn bộ số nợ, lãi, phí của hợp đồng tín dụng là 504.178.916 đồng và nợ của hợp đồng sử dụng thẻ là 164.919.967 đồng, tổng cộng 669.098.883 đồng. Đồng thời yêu cầu bị đơn trả lãi phát sinh phát sinh đối với số nợ còn lại theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng; Khế ước nhận nợ kể từ ngày 25/6/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông M và bà T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản đã thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu Tòa án giải quyết đối với Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày phát hành 03/06/2022.

– Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Võ Hồng T nhưng ông M, bà T không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án cung cấp lời khai, không đến tham dự buổi hòa giải cũng như không đến phiên tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

– Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T, nhưng ông D, bà T không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án cung cấp lời khai, không đến tham dự buổi hòa giải cũng như không đến phiên tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Võ Hồng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông M, bà T, ông D và bà T.

[1.2] Theo đơn khởi kiện Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M, bà T trả số tiền còn nợ của 03 hợp đồng tín dụng gồm: 1/ Hợp đồng tín dụng số 0101/22CNST/HĐTD ngày 13/05/2022; 2/ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày giải ngân 19/08/2022; 3/ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày giải ngân 03/06/2022. Tại phiên tòa, người đại diện của Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện theo đó không yêu cầu bị đơn trả nợ đối với Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày giải ngân 03/06/2022. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông M và bà T có ký kết với Ngân hàng các hợp đồng:

[2.1] Hợp đồng tín dụng số 0101/22CNST/HĐTD ngày 13/05/2022 ký kết giữa Ngân hàng với ông M, bà T. Số tiền vay 440.000.000 đồng (Bốn trăm bốn

mười triệu đồng). Thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 20/05/2023 đến ngày 19/05/2024. Lãi suất 13.5%/ năm và có thể được Ngân hàng điều chỉnh theo từng thời kỳ. Mục đích vay: Bổ sung vốn nuôi heo. Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng trên, ông M và bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính đến ngày 24/6/2024, ông M và bà T còn nợ Ngân hàng: Nợ gốc 440.000.000 đồng, lãi trong hạn 53.420.246 đồng, lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi 10.758.670 đồng, tổng cộng 504.178.916 đồng.

[2.2] Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 19/08/2022 ký kết giữa Ngân hàng với ông M. Hạn mức tín dụng: 100.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng trên, ông M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 24/6/2024, ông Mạnh còn nợ Ngân hàng số tiền: Nợ gốc 79.562.941 đồng, lãi 38.633.358 đồng, phí 46.723.668 đồng, tổng cộng 164.919.967 đồng.

[3] Xét thấy, việc ông M và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ và lãi theo giao kết trong hợp đồng tín dụng số 0101/22CNST/HĐTD ngày 13/05/2022 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mà các bên đã ký kết. Ông M và bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, là người có lỗi vi phạm hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông M, bà T có nội dung Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả số tiền vốn và lãi vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên và yêu cầu ông M trả tiền còn nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, nhưng ông M, bà T không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện do Ngân hàng xuất trình, nên căn cứ vào Hợp đồng tín dụng nêu trên (bút lục 12-14), Giấy đề nghị giải ngân kiêm kê ước nhận nợ (bút lục 15, 16) và quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định ông M và bà T có nợ Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng và ông M còn nợ Ngân hàng theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, nên Ngân hàng yêu cầu ông M, bà T trả số nợ nêu trên phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng. Mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 11 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, số tiền lãi theo yêu cầu nêu trên, Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. Do vậy, Ngân hàng yêu cầu ông M, bà T có nghĩa vụ trả cho nợ Ngân hàng, tính đến ngày 24/6/2024 tổng cộng gốc và lãi của hợp đồng tín dụng: Nợ gốc 440.000.000 đồng, lãi trong hạn 53.420.246 đồng, lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi 10.758.670 đồng, tổng cộng 504.178.916 đồng và yêu cầu ông M trả cho Ngân hàng tính đến ngày 24/6/2024 số tiền nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng: Nợ gốc 79.562.941 đồng, lãi 38.633.358 đồng, phí 46.723.668 đồng, tổng cộng 164.919.967 đồng là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận. Kể từ ngày 25/6/2024, nếu ông M, bà T không thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng, thì ông M, bà T còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ

gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[4] Để đảm bảo cho khoản nợ vay của hợp đồng tín dụng số 0101/22CNST/HĐTD ngày 13/05/2022, ông Mạnh và bà Thuận có thể chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số 555, tờ bản đồ số 03, ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Diện tích: 507,3 m² (ONT: 50m², CLN: 457,3m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 719032 số vào sổ cấp GCN: CS03075 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 20/04/2022. Tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0075/22CNST/HĐBĐ ngày 13/05/2022 tại Văn phòng công chứng Trần Văn Năm (thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng), số công chứng 3936 quyền số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Sóc Trăng ngày 13/05/2022 (bút lục 18-25). Tài sản gắn liền trên đất gồm: 28 cây dừa loại A, 07 cây dừa loại B, 06 bụi chuối.

[5] Xét thấy, về hình thức và nội dung hợp đồng thế chấp, trình tự và thẩm quyền đăng ký thế chấp là phù hợp theo quy định tại các Điều 317, 318, 319 của Bộ luật Dân sự, có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại Điều 4 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm, nên hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành. Trong hợp đồng thế chấp có giao kết về quyền và nghĩa vụ của các bên, điều kiện, thời hạn và phương thức xử lý tài sản thế chấp khi nghĩa vụ đến hạn mà người vay nợ không thực hiện. Do đó, Ngân hàng yêu cầu nếu ông M, bà T không tự nguyện trả nợ, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án có tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là thửa đất số 555, tờ bản đồ số 03, tọa lạc ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, hiện do ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T đang quản lý, sử dụng. Toà án đã thông báo đưa ông D, bà T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên hết thời gian được thông báo nhưng ông D, bà T không có văn bản trình bày ý kiến hay có yêu cầu gì đối với việc tranh chấp giữa các bên, cũng như đối với yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản thế chấp.

[7] Tại phiên toà, Hội đồng xét xử không đặt ra việc xử lý tài sản thế chấp ngay, mà đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án thì ông M, bà T phải tự nguyện trả số tiền nợ nêu trên. Nếu không tự nguyện trả nợ thì Ngân hàng mới có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp theo quy định tại các Điều 500, 501, 502 của Bộ luật Dân sự.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là 1.390.000

đồng, ông M và bà T phải chịu. Do Ngân hàng đã tạm nộp trước nên ông M, bà T phải trả lại cho Ngân hàng 1.390.000 đồng.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông M và bà T cùng phải chịu 24.167.157 (Hai mươi bốn triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm năm mươi bảy đồng) án phí sơ thẩm đối số tiền nợ vay của Hợp đồng tín dụng số 0101/22CNST/HĐTD ngày 13/05/2022. Ông M phải chịu 8.245.998 đồng (Tám triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm chín mươi tám đồng) án phí sơ thẩm đối với số tiền nợ vay của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 19/8/2022. Nguyên đơn Ngân hàng, ông D và bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Các Điều 500, 501, 502 của Bộ luật Dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P.

- Buộc ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Hồng T trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng Hợp đồng tín dụng số 0101/22CNST/HĐTD ngày 13/05/2022, vốn gốc 440.000.000 đồng, lãi trong hạn 53.420.246 đồng, lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi 10.758.670 đồng, tổng cộng 504.178.916 đồng (Năm trăm lẻ bốn triệu một trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm mười sáu đồng).

Kể từ ngày 24/8/2024, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Hồng T còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi Ngân hàng TMCP P có đơn yêu cầu thi hành án thì ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Hồng T phải tự nguyện trả số tiền nêu trên. Nếu không tự nguyện thì Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp để Ngân hàng TMCP P thu hồi nợ, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0075/22CNST/HĐBĐ ngày 13/05/2022 tại Văn phòng công chứng Trần Văn N (thành phố S, tỉnh Sóc Trăng), số công chứng 3936 quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng

ký đất đai huyện C, tỉnh Sóc Trăng ngày 13/05/2022 (bút lục 18-25). Tài sản gắn liền trên đất gồm: 28 cây dừa loại A, 07 cây dừa loại B, 06 bụi chuối.

- Buộc ông Nguyễn Văn M trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền còn nợ theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 19/08/2022, vốn gốc 79.562.941 đồng, lãi 38.633.358 đồng, phí 46.723.668 đồng, tổng cộng 164.919.967 đồng (Một trăm sáu mươi bốn triệu chín trăm mười chín nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày 24/8/2024, ông Nguyễn Văn M còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2/ Về chi phí thẩm định: Ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Hồng T phải chịu 1.390.000 đồng. Do Ngân hàng TMCP P đã tạm nộp trước nên ông M, bà T phải trả lại cho Ngân hàng 1.390.000 đồng (Một triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Ngân hàng TMCP P, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T không phải chịu chi phí thẩm định.

3/ Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Hồng T cùng phải chịu 24.167.157 (Hai mươi bốn triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm năm mươi bảy đồng) án phí sơ thẩm đối số tiền nợ vay của Hợp đồng tín dụng số 0101/22CNST/HĐTD ngày 13/05/2022.

Ông Nguyễn Văn M phải chịu 8.245.998 đồng (Tám triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm chín mươi tám đồng) án phí sơ thẩm đối với số tiền nợ vay của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 19/8/2022.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.276.650 đồng (Mười ba triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009682, ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- Các đương sự;
- VKSND TPST;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Chiêm Ngọc Linh